TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ - TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2020/DS-ST
Ngày 30/9/2020
"V/v *Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ - TỈNH GIA LAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Ngọc Bình.
Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phan Vĩnh Hưng.
2. Ông Trần Văn Minh.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hồng Phong - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 01/2020/TLST-DS ngày 01 tháng 01 năm 2020 về việc *"Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2020/ QĐXXST-DS, ngày 31 tháng 8 năm 2020, và Quyết định hoãn phiên tòa số: 19/2020/QĐST-DS ngày 17 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Dương Thị H, sinh năm 1972; Địa chỉ: làng Đ, xã Y, huyện Đ, tỉnh Gia Lai, có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Đinh Tân C, sinh năm 1976; Địa chỉ: làng J, xã Y, huyện Đ, tỉnh Gia Lai, có mặt tại phiên tòa.

Hồ Thị Phương N, sinh năm: 1979; HKTT: làng J, xã Y, huyện Đ, tỉnh Gia Lai; Chỗ ở hiện nay: thôn Đ, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định, vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30/12/2019 và bản tự khai ngày 02/01/2020 chị Dương Thị H trình bày: Vào ngày 25/8/2017 vợ chồng anh Đinh Tân C và chị Hồ Thị Phương N mượn chị Hương số tiền là 80.000.000đồng và hẹn 01 năm sẽ trả lại toàn bộ số tiền trên. Sau đó trả được 43.000.000đồng còn nợ lại 37.000.000đồng. Đến ngày 16/01/2018 chị N và anh C tiếp tục mượn chị H số tiền 100.000.000đồng và hẹn 01 năm sau sẽ trả. Đến nay chị N và anh C chưa trả nợ cho chị H nên chị H đề nghị Tòa án buộc anh C và chị N phải trả toàn bộ số tiền là 137.000.000đồng.

Ngày 16/7/2020 chị Dương Thị H có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện có nội dung: Theo giấy mượn tiền ngày 25/8/2017 vợ chồng anh Đinh Tân C và chị Hồ Thị Phương N mượn số tiền là 80.000.000đồng. Nay chị H xin rút một phần yêu cầu

khởi kiện đối với anh C và chị N về phần nợ trong giấy mượn tiền 25/8/2017 và yêu cầu Tòa án buộc anh C và chị N phải trả cho chị H toàn bộ số nợ là 100.000.000đồng theo giấy mượn tiền ngày 16/01/2018.

Tại bản tự khai ngày 05/6/2020 anh C trình bày: Giữa chị H và chị N vay tiền anh C không biết và tại bản khai ngày 11/7/2020 anh C chấp nhận cùng chị N trả khoản nợ 100.000.000đồng cho chị H.

Tại bản tự khai ngày 31/8/2020 chị N trình bày: Vào ngày 16/01/2018 anh C viết một giấy mượn tiền của chị H, một mình anh C viết và ký chị N không có ký vào giấy này. Tại văn bản thỏa thuận phân chia tài sản và trách nhiệm trả nợ chung trong thời kỳ hôn nhân ngày 01/5/2019 anh C nhận trả khoản nợ trên nên anh C phải trả cho chị H. Chị N không đồng ý trả khoản nợ trên.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án đã triệu tập chị N tham gia tố tụng nhiều lần, nhưng chị N không đến Tòa án tham gia tố tụng nên không tiến hành hòa giải được.

Các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp gồm: giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu Dương Thị H; 01 giấy mượn tiền ngày 25/8/2017; 01 giấy mượn tiền ngày 16/01/2018; bản tự khai của chị H và đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 16/7/2020.

Các tài liệu, chứng cứ do bị đơn cung cấp gồm: 01 giấy chứng minh nhân dân và bản tự khai của ông Đinh Tân C; 01 Bản tự khai của chị Hồ Thị Phương N ngày 31/8/2020.

Tại phiên tòa ý kiến của Kiểm sát viên: Về thủ tục tố tụng Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về điều luật áp dụng:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 217; Điều 218; Điều 219; Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463; Điều 466 và khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Về nội dung: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của chị Dương Thị H. Buộc anh Đinh Tân C và chị Hồ Thị Phương N phải liên đới trả cho chị Dương Thị H toàn bộ số tiền nợ là 100.000.000đồng.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị H đối với số tiền 37.000.000đồng.

Về án phí: Giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Dương Thị H có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai giải quyết buộc anh Đinh Tân C và chị Hồ Thị Phương N phải trả toàn bộ khoản tiền đã mượn. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án đã triệu tập chị Hồ Thị Phương N tham gia tố tụng nhiều lần, nhưng chị N không đến Tòa án để tham gia tố tụng. Do đó Tòa án tiến hành theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[2] Xét về nội dung vụ án: Qua lời khai của nguyên đơn và bị đơn anh C tại phiên tòa cùng các tài liệu, chứng cứ do các đương sự cung cấp đã có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử kết luận vào ngày 16/01/2018 Chị Dương Thị H có cho vợ chồng anh Đinh Tân C và chị Hồ Thị Phương N mượn số tiền là 100.000.000đồng và hẹn 01 năm sẽ trả lại toàn bộ số tiền trên. Đến tháng 10/2019 vợ chồng anh C và chị N ly hôn nhưng vẫn chưa trả số tiền trên cho chị H. Nay chị H đề nghị Tòa án buộc anh C và chị N phải trả toàn bộ số tiền là 100.000.000đồng.

Xét về giấy mượn tiền giữa các bên là hợp đồng bằng văn bản và có thỏa thuận về thời hạn trả nợ là sau 01 năm, nhưng đến hạn chị N và anh C chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho chị H. Tại giấy mượn tiền ngày 16/01/2018 có thể hiện chị N có ký và ghi họ, tên và tại phiên tòa chị H và anh C đều công nhận đó là chữ ký và chữ viết của chị N nên việc chị N và anh C có mượn số tiền 100.000.000đồng của chị H là có thật.

Tại bản tự khai ngày 31/8/2020 chị N không đồng ý trả khoản tiền này cho chị H vì chị N cho rằng chị không ký vào giấy mượn tiền và theo văn bản thỏa thuận phân chia tài sản và trách nhiệm trả nợ chung trong thời kỳ hôn nhân ngày 01/5/2019 thì anh C có nghĩa vụ trả khoản nợ này cho chị H. Xét văn bản thỏa thuận phân chia tài sản và trách nhiệm trả nợ chung trong thời kỳ hôn nhân ngày 01/5/2019 có thể hiện về trách nhiệm hai bên có thể hiện nội dung: anh C có trách nhiệm trả các khoản nợ chung, chị N có trách nhiệm cùng với anh C ký các giấy tờ chuyển nhượng lại quyền sử dụng đất cho anh C đứng tên. Mọi lý do chị N đưa ra hoặc không hợp tác với anh C làm ảnh hưởng đến việc làm thủ tục sang tên cho anh C thì anh C có quyền dừng trả các phần nợ của chị N. Do đó, việc chị N không thực hiện đúng như văn bản thỏa thuận 01/5/2019 và từ chối nghĩa vụ trả nợ cho chị H là không có căn cứ.

Đối với khoản nợ chung giữa anh C và Chị N trong thời kỳ hôn nhân tự thỏa thuận về nghĩa vụ trả nợ chưa được Tòa án công nhận trong quá trình giải quyết ly hôn và không có sự đồng ý của chị H về nghĩa vụ trả nợ thuộc về anh C thì việc thuận trên giữa anh C và chị N không đảm bảo quyền lợi cho chị H và không có căn cứ đúng pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử không công nhận sự thỏa thuận về nghĩa vụ trả nợ của anh C và chị N.

Xét về quan hệ giữa anh C và chị N tại thời điểm mượn tiền của chị H vẫn còn quan hệ là vợ chồng nên xác định là nợ chung. Mặc dù đến thời điểm hiện tại anh C và chị N đã ly hôn nhưng giải quyết về tài sản chung và chưa thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ chung nên vẫn phải có nghĩa vụ liên đới để trả các khoản nợ chung là hoàn toàn có cở sở đúng pháp luật.

Tại phiên Tòa anh C trình bày: Theo văn bản thỏa thuận phân chia tài sản và trách nhiệm trả nợ chung trong thời kỳ hôn nhân ngày 01/5/2019 là thỏa thuận giữa anh C và chị N nên anh C công nhận đó là nợ chung giữa anh C và chị N. Đến tháng 10/2019 giữa anh C và chị N ly hôn, nhưng chị N không phối hợp làm thủ tục chuyển nhượng lại quyền sử dụng đất cho anh C nên anh C không có tiền để trả nợ chung. Do

đó, các khoản nợ chung như đã thỏa thuận anh C chờ khi nào bán nhà là tài sản chung của anh C và chị N thì anh C lấy tiền bán nhà trả nợ chung của anh C và chị N.

Ngày 16/7/2020 chị Dương Thị H có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện theo giấy mượn tiền ngày 25/8/2017 và tại phiên tòa chị H đồng ý rút yêu cầu khởi kiện số tiền 37.000.000đồng là hoàn toàn tự nguyện nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị H theo quy định tại Điều 217; Điều 218 và Điều 219 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị H. Buộc anh Đinh Tân C và chị Hồ Thị Phương N phải liên đới trả cho chị Dương Thị H toàn bộ số nợ là 100.000.000đồng.

[3] Về án phí: Chị Dương Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Đinh Tân C và chị Hồ Thị Phương N phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 217; Điều 218; Điều 219; Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463; Điều 466 và khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị H.

Buộc anh Đinh Tân C và chị Hồ Thị Phương N phải liên đới trả cho chị Dương Thị H toàn bộ số nợ là 100.000.000đồng (một trăm triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng còn phải trả cho người được thi hành án tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, mức lãi suất được xác định theo sự thỏa thuận giữa các bên nhưng không được vượt quá lãi suất giới hạn theo khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự. Nếu không có sự thỏa thuận thì mức lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, tại thời điểm thanh toán.

[2] Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị H, đối với yêu cầu Tòa án buộc anh Đinh Tân C chị Hồ Thị Phương N phải liên đới trả số tiền là 37.000.000đồng (ba mươi bảy triệu đồng)

Chị Dương Thị H có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 218 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Dương Thị H không phải chịu án phí. Hoàn trả lại cho chị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.425.000đồng (ba triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0004494 ngày 02/01/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

Buộc anh Đinh Tân C và chị Hồ Thị Phương N phải liên đới nộp 5.000.000đồng (năm triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[5] Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án là ngày 30/9/2020. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Ngọc Bình